

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 138/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 8 – 2024

V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Dài.
- Ông Trần Quang Vinh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Hồng L, sinh năm 1993.

Địa chỉ HKTT: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ liên hệ: Số F, đường số B, khu phố D, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Anh Võ Văn N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Phạm Hồng L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Võ Văn N vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 18/6/2024, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp – hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Hồng L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Phạm Hồng L và anh Võ Văn N tự nguyện tìm hiểu được khoảng 02 tháng, sau đó tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 nhưng không có tổ chức đám cưới, do không có điều kiện và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do sau khi sống chung với nhau thì chỉ lo làm ăn mà không đi đăng ký. Sau khi sống chung thì chị L và anh N đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2018 thì anh N quen biết người khác, chị L có khuyên bảo nhưng anh N không thay đổi, trong năm 2018 thì anh N bỏ chị L và 2 con để đi nơi khác sinh sống, nên chị L và anh N sống ly thân từ năm 2018 đến nay mà không hàn gắn được, gia đình hai bên cũng không hàn gắn được cho anh chị. Hiện nay, chị L không còn tình cảm gì với anh N, cũng không muốn hàn gắn với anh N, nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị Phạm Hồng L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Võ Nhựt H, sinh ngày 03/4/2012, Võ Ngọc Lan A, sinh ngày 11/3/2015 và chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; do chị L đang trực tiếp nuôi con từ năm 2018 đến nay.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Võ Văn N:* Anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa giải 02 lần, thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh N vắng mặt không có lý do, không cung cấp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, cũng không tham dự phiên họp – hòa giải 02 lần và phiên tòa 02 lần nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh N đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Hồng L. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Hồng L với anh Võ Văn N. Về con chung: Giao con chung tên Võ Nhựt H, sinh ngày 03/4/2012, Võ Ngọc Lan A, sinh ngày 11/3/2015 cho chị L được quyền trực tiếp nuôi. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L

không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy CCCD của chị Phạm Hồng L (Bản sao);
- Giấy khai sinh con chung (Bản sao).
- Bản tự khai ngày 08/7/2024 của cháu Võ Nhựt H, Võ Ngọc Lan A (Bản chính);
- Biên bản lấy lời khai chị Phạm Hồng L ngày 08/7/2024 (Bản chính);
- Văn bản xác minh v/v cư trú đối với anh Võ Văn N ngày 12/7/2024 của Công an xã A (Bản chính);
- Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 25/7/2024 của chị Phạm Hồng L (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Hồng L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Võ Văn N cư trú tại ấp N, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Nguyên đơn chị Phạm Hồng L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Võ Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có cung cấp ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh N theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Hồng L yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn N.

Anh N không có văn bản trình bày ý kiến về hôn nhân với chị L.

Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*. Do đó, chị L và anh N chung sống với nhau từ năm 2011 mà đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, chị L và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không tự giải quyết với nhau được. Chị L xác định vào năm 2018 thì anh N quen biết người khác, chị L đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh N không thay đổi, sau đó anh N bỏ chị L và 02 con để đi nơi khác sinh sống, nên anh chị sống ly thân từ năm 2018 đến nay mà không hàn gắn tình cảm lại được. Anh N đã được Tòa án thông báo về phiên họp – hòa giải 02 lần để tạo điều kiện cho anh chị hòa giải, nhưng anh N không đến Tòa án, cho thấy anh N không muốn hàn gắn, đoàn tụ với chị L. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị L và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*.

Do chị L và anh N không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh N là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Chị L xác định chị L và anh N có 02 con chung tên Võ Nhật H, sinh ngày 03/4/2012, Võ Ngọc Lan A, sinh ngày 11/3/2015. Chị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, cháu Lan A và chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; do chị L đang trực tiếp nuôi con từ năm 2018 đến nay. Anh N không cung cấp cho Tòa án ý kiến, yêu cầu đối với con chung.

Xét thấy, hiện nay, cháu H, cháu Lan A đang sống chung với chị L từ khi chị L và anh N sống ly thân từ năm 2018 đến nay; chị L đã làm tròn nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và cho các cháu đi học. Mặt khác, cháu H, cháu Lan A đã trên 07 tuổi, có văn bản ghi nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với chị L.

Khoản 1, 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu H, cháu Lan A, đồng thời xem xét nguyện vọng của cháu H, cháu Lan A, Hội đồng xét xử xem xét không cần thiết làm thay đổi hoàn cảnh sống ổn định của cháu H, cháu Lan A, nên chấp nhận yêu cầu chị L, giao cháu H, cháu Lan A cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật; anh N không phải cấp dưỡng cho con do chị L không có yêu cầu là phù hợp quy định pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Hồng L không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Võ Văn N không có ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Võ Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Hồng L.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Hồng L và anh Võ Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Nhựt H, sinh ngày 03/4/2012, Võ Ngọc Lan A, sinh ngày 11/3/2015 cho chị Phạm Hồng L được quyền trực tiếp nuôi. Anh Võ Văn N không phải cấp dưỡng cho con do chị Phạm Hồng L không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Võ Văn N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Võ Văn N không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Phạm Hồng L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh Võ Văn N.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Hồng L và anh Võ Văn N không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Hồng L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0006662 ngày 18/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị L đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Võ Văn N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thùy Trang